

技能実習のための雇用契約書 HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHO THỰC TẬP KỸ NĂNG

実習実施者 _____ (以下「甲」という。) と
Người tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng: (Dưới đây gọi là “Bên A”.) và

技能実習生 (候補者を含む。) _____ (以下「乙」という。) は、
Thực tập sinh kỹ năng (Bao gồm cả người dự kiến): (Dưới đây gọi là “Bên B”.)

別添の雇用条件書に記載された内容に従い、雇用契約を締結する。

Ký kết Hợp đồng lao động dựa trên nội dung được ghi chép trong Bản điều kiện lao động kèm theo.

本雇用契約は、乙が、在留資格「技能実習第 1 号」により本邦に入国して、技能等に係る業務に従事する活動を開始する時点をもって効力を生じるものとする。

Hợp đồng lao động này có hiệu lực từ thời điểm Bên B nhập cảnh vào Nhật Bản với tư cách lưu trú là “Thực tập kỹ năng (1)” và bắt đầu hoạt động học kỹ năng theo tư cách lưu trú đó.

雇用条件書に記載の雇用契約期間 (雇用契約の始期と終期) は、乙の入国日が入国予定日と相違した場合には、実際の入国日に伴って変更されるものとする。

Trong trường hợp ngày nhập cảnh thực tế của Bên B khác với ngày dự kiến thì thời hạn Hợp đồng lao động ghi trong bản Điều kiện lao động (thời hạn bắt đầu và thời hạn kết thúc Hợp đồng lao động) sẽ được điều chỉnh theo ngày nhập cảnh thực tế.

なお、乙が何らかの事由で在留資格を喪失した時点で雇用契約は終了するものとする。

Ngoài ra, Hợp đồng lao động sẽ kết thúc tại thời điểm Bên B mất tư cách lưu trú vì bất cứ lý do nào.

雇用契約書及び雇用条件書は 2 部作成し、甲乙それぞれが保有するものとする。

Hợp đồng lao động và bản Điều kiện lao động được làm thành 2 (hai) bản mỗi bộ, Bên A và Bên B mỗi bên giữ mỗi bộ 1 (một) bản.

年 月 日 締結

Ký kết Năm Tháng Ngày

甲 _____ (印)
Bên A (Đóng dấu)

乙 _____
Bên B

(実習実施者名・代表者役職名・氏名・捺印)
(Tên tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng-
Tên và chức vụ người đại diện-Đóng dấu)

(技能実習生の署名)
(Chữ ký của thực tập sinh kỹ năng)